

Bài 2

CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI. NỀN KINH TẾ TRI THỨC

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

– Trình bày được đặc điểm nổi bật và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển kinh tế thế giới : xuất hiện ngành kinh tế mới ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

– Biết được một số nét khái quát của nền kinh tế tri thức.

2. Kỹ năng

Phân tích được các bảng số liệu, liên hệ thực tế, so sánh và nhận xét.

3. Thái độ

Xác định cho mình ý thức trách nhiệm trong học tập để tạo dựng cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

Một số tranh ảnh về thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

III. TRỌNG TÂM BÀI

Đặc trưng nổi bật và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến nền kinh tế thế giới.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mục I. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

Hoạt động 1 : Tìm hiểu cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

– GV giảng giải về đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Chú ý :

– So sánh sự khác nhau cơ bản giữa các cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật :

+ Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào cuối thế kỉ XVIII là giai đoạn quá độ từ nền sản xuất thủ công sang nền sản xuất cơ khí. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là quá trình đổi mới công nghệ.

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra từ nửa sau của thế kỉ XIX đến giai đoạn đầu thế kỉ XX. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là đưa lực lượng sản xuất từ nền sản xuất cơ khí chuyển sang nền sản xuất đại cơ khí và tự động hoá cục bộ. Cuộc cách mạng này đã cho ra đời hệ thống công nghệ điện – cơ khí.

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra vào cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI. Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là làm xuất hiện và phát triển bùng nổ công nghệ cao.

– GV giải thích và làm sáng rõ khái niệm "công nghệ cao".

– GV yêu cầu HS liên hệ với những kiến thức đã biết, kể tên một số thành tựu khoa học và công nghệ tiêu biểu trong thế kỉ XX.

– Tiếp nối trả lời của HS, GV đi sâu vào thành tựu của công nghệ thông tin, trong đó lưu ý đến sự phát triển của mạng internet toàn cầu. Hướng dẫn HS phân tích bảng 2.1 và trả lời câu hỏi kèm theo bảng.

Mục II. Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển kinh tế – xã hội

Hoạt động 2 : Tìm hiểu về tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

– GV đặt câu hỏi thu hút sự chú ý của HS : "Hiểu như thế nào là khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp ?" và tiến hành giảng giải. Chú ý nhấn mạnh các ý sau :

– Trong kinh tế nông nghiệp, vai trò của khoa học còn yếu, không đáng kể. Trong kinh tế công nghiệp, vai trò của khoa học đối với phát triển kinh tế rất lớn. Đóng góp của khoa học vào nền kinh tế ở các nước đạt đến 30% - 40% GDP, trong khi chi cho khoa học chỉ có 1% - 2% GDP. Khoảng 3/4 mức tăng trưởng kinh tế của các nước công nghiệp phát triển là dựa vào tiến bộ khoa học và công nghệ.

– Trước đây, khoa học chỉ tham gia vào quá trình sản xuất bằng việc tạo ra công nghệ, phương pháp sản xuất. Hiện nay, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học đã trực tiếp làm ra sản phẩm (sản xuất phần mềm, các ngành công nghiệp có công nghệ cao,...). Các công viên khoa học, các thành phố khoa học, các khu công nghệ cao được thành lập là để tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho khoa học, công nghệ, sản xuất nhập làm một. Phòng thí nghiệm đồng thời là nhà máy, nơi đó sản xuất ra các loại dược phẩm mới, các vi mạch, các phần mềm,...

GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp đôi (hai HS cạnh nhau cùng làm việc với nhau). Nhiệm vụ : Đọc ô thứ hai đến ô thứ tư của sơ đồ "Một số tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển kinh tế – xã hội", trả lời câu hỏi kèm theo. GV chú ý HS liên hệ với thực tế Việt Nam.

Mục III. Nền kinh tế tri thức

Hoạt động 3 : Tìm hiểu nền kinh tế tri thức

GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm cặp đôi với bảng 2.2, nêu khái quát những điểm khác nhau chủ yếu của nền kinh tế tri thức so với kinh tế nông nghiệp và kinh tế công nghiệp. Sau khi HS trả lời, GV đặt câu hỏi đàm thoại : "Sự ra đời của nền kinh tế tri thức bắt nguồn từ nguyên nhân chủ yếu nào ? Giải thích".

Tiếp tục, yêu cầu HS đọc khổ cuối của bài để rõ thêm về nền kinh tế tri thức trong thực tế các nước phát triển ở Bắc Mỹ và Tây Âu.

V. THÔNG TIN

Nền kinh tế tri thức

– Trong nền kinh tế tri thức, hoạt động chủ yếu nhất là tạo ra tri thức, quảng bá và sử dụng tri thức. Nếu trong kinh tế công nghiệp, việc tạo ra giá trị chủ yếu là dựa vào tối ưu hoá, tức là hoàn thiện cái đã có, thì trong nền kinh tế tri thức, việc tạo ra giá trị chủ yếu là phải đi tìm cái chưa biết – cái có giá trị nhất, theo đó cái đã biết sẽ mất dần giá trị.

– Kinh tế tri thức là một giai đoạn phát triển mới của các nền kinh tế sau giai đoạn kinh tế công nghiệp. Thế giới đã trải qua kinh tế nông nghiệp trong khoảng 10.000 năm. Khoảng đầu của nửa sau thế kỉ XVIII, kinh tế công nghiệp đã xuất hiện lần đầu tiên ở Anh. Vào đầu những năm 1950, công nghệ thông tin bắt đầu xuất hiện ở Hoa Kỳ. Năm 1990, khái niệm "kinh tế tri thức" lần đầu tiên được Liên hợp quốc đưa ra. Nếu như các loại hình kinh tế trước đây lấy công nghiệp truyền thống làm nền tảng sản xuất, lấy nguồn tài nguyên làm chỗ dựa và phát triển sản xuất, thì kinh tế tri thức lấy công nghệ kĩ thuật cao làm lực lượng sản xuất thứ nhất, lấy kiến thức làm chỗ dựa chủ yếu.

Bất kì quốc gia nào cũng đều có thể sử dụng tài nguyên kiến thức của mình để trở thành một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế thế giới.

– Khu vực dịch vụ nhiều kiến thức bao gồm : kế toán, kiến trúc, điều tra, thăm dò, các dịch vụ xây dựng khác, ngân hàng và tài chính, máy tính và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin, thiết kế, môi trường (quy chế khử bỏ chất thải, giám sát), quản lí các phương tiện, bảo hiểm, tuyển mộ lao động và cung cấp nhân viên kĩ thuật, pháp luật, tư vấn quản lí, nghiên cứu thị trường, maketing và quảng cáo, thông tấn và báo chí, bất động sản, viễn thông, thiết kế – chế tạo kĩ thuật, đào tạo và công nghệ.

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ – NĂM 2004
(Tính theo giá thực tế)

(Đơn vị : %)

Nhóm nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Thế giới	4,0	32,0	64,0
Các nước thu nhập cao	2,0	27,0	71,0
Các nước thu nhập trung bình	11,0	38,0	51,0
Các nước thu nhập thấp	25,0	25,0	50,0

(Nguồn : Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006)